

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT
Ngày 31-3-2025
“V/v chia tài sản chung sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hạnh và ông Dương Hà Ngân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLPT-DS ngày 11/11/2024 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”,

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2024/TLPT-DS ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Dương Hồng P, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn H - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thiên H1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ – Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Giang Thị Tú T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, đường N, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn anh Dương Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án anh Dương Hồng P trình bày:

Anh Dương Hồng P và chị Giang Thị Tú T được Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận thuận tình ly hôn theo quyết định số 175/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2019. Trong thời kỳ hôn nhân tạo dựng được tài sản chung là quyền sử dụng đất, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết anh P được quyền sử dụng thửa đất số 39 và 71; tờ bản đồ số 16; tọa lạc tại thôn B, xã N, huyện Đ, diện tích 15.528,6m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử đất 17.099,7m², diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 15.528,6m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 492595 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/02/2017. Chị Giang Thị Tú T được quyền sử dụng thửa số 05, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn B xã N, huyện Đ, diện tích 8.986,3m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử đất 9.602m², diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 8.986.3m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 079593 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 21/5/2014.

Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 02/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và chị Giang Thị Tú T theo biên bản tự nguyện thỏa thuận ngày 09/01/2019.

Về tài sản trên đất có giá trị tương đương nhau nên không yêu cầu chia.

Về quyền nuôi con và công nợ: Anh Dương Hồng P xin rút yêu cầu về nuôi con và công nợ.

Về kết quả thẩm định giá của Công ty T3, nguyên đơn đồng ý và không yêu cầu định giá lại.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Giang Thị Tú T trình bày:

Chị T yêu cầu được quyền sử dụng thửa số 05, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn B xã N, huyện Đ, diện tích thực tế 8.986,3m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử đất 9.602m², diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 8.986.3m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 079593 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 21/5/2014. Anh Dương Hồng P được quyền sử dụng thửa đất số 39 và 71; tờ bản đồ số 16; tọa lạc tại thôn B, xã N, huyện Đ, diện tích 15.528,6m² (diện tích 17.099,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử đất, diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 15.528,6m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 492595 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/02/2017. Tuy nhiên, chị T yêu cầu anh Dương Hồng P phải thanh toán số tiền 700.523.080 đồng cho chị T là giá trị chênh lệch của thửa đất số 39 và 71; tờ bản đồ số 16 so với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 9 mà chị T được sử dụng.

Về tài sản trên đất: Tương đương nhau nên không yêu cầu.

Về quyền nuôi con: Đồng ý với đề nghị rút yêu cầu này của nguyên đơn.

Về công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án số 35/2024/DS-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157; Điều 161 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 33, 38 Điều 56, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu về quyền nuôi con và công nợ.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn.

2.1 Nguyên đơn anh Dương Hồng P được quyền sử dụng thửa đất số 39 và 71, tờ bản đồ số 16, tọa a lạc tại thôn A, xã N, huyện Đ, diện tích 15.528,6m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 17.099,7m², diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 15.528,6m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 492595 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/02/2017 và tài sản gắn liền trên đất.

2.2. Nguyên đơn anh Dương Hồng P phải thanh toán cho chị Giang Thị Tú T1 giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất số tiền 700.523.080 đồng.

2.3. Bị đơn chị Giang Thị Tú T được quyền sử dụng thửa số 05, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn B xã N, huyện Đ, diện tích 8.986,3m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 9.602m², diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 8.986,3m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 079593 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 21/5/2014 và tài sản gắn liền trên đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11-10-2024, anh Dương Hồng P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết gồm: Sửa Bản án hôn nhân và gia đình số: 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản ngày 09-01-2019 giữa anh Dương Hồng P và chị Giang Thị Tú T, không chấp nhận yêu cầu chia lại tài sản của chị Giang Thị Tú T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu rút đơn khởi kiện; bị đơn không đồng ý với yêu cầu rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị rút đơn khởi kiện, tuy nhiên

bị đơn không đồng ý với yêu cầu này. Vì vậy, nguyên đơn xin được thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX hủy Bản án hôn nhân và gia đình số: 35/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp do cấp sơ thẩm đã vi phạm trình tự thủ tục tố tụng, giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án hôn nhân và gia đình số: 35/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của những người kháng cáo nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng bị đơn không đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. *Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn, nguyện vọng của nguyên đơn xin được quyền sử dụng thửa đất số 39 và 71; tờ bản đồ số 16; tọa lạc tại thôn B, xã N, huyện Đ, diện tích 15.528,6m² (*diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 17.099,7m², diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 15.528,6m²*), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 492595 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/02/2017; bị đơn được quyền sử dụng thửa số 05, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn B xã N, huyện Đ, diện tích 8.986,3m² (*diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 9.602m², diện tích thực tế theo kết quả đo đạc là 8.986,3m²*), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 079593 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 21/5/2014. Như vậy, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “*chia tài sản sau ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến ngày 02/01/2023 nguyên đơn có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận văn bản thỏa thuận về chia tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn

ngày 09/01/2019. Tài liệu chứng cứ thể hiện, năm 2019 Tòa án giải quyết ly hôn thì các đương sự có lập văn bản thỏa thuận chia tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn, đến nay nguyên đơn mới yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn ngày 09/01/2019. Đối với yêu cầu này là việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Theo lời khai của các đương sự trình bày: Thửa đất số 39 và 71, hiện nay do nguyên đơn và người vợ sau của nguyên đơn (*chị Nguyễn Thị Thùy D*) đang quản lý, sử dụng và có đầu tư, chăm sóc tài sản trên đất từ năm 2020 đến nay; thửa đất số 05 được bị đơn giao lại cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T2 quản lý, sử dụng và chăm sóc tài sản trên đất từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Nguyễn Thị Thùy D và bà Nguyễn Thị T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chỉ thẩm định giá trị QSD đất mà không thẩm định giá cây trồng và tài sản gắn liền trên đất là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1.]. Xét thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn cho rằng nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án công nhận văn bản thỏa thuận về chia tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 09/01/2019, nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản sau ly hôn theo quy định pháp luật nhưng cấp sơ thẩm lại chia tài sản sau ly hôn là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và giải quyết vượt phạm vi yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đồng ý và có ý kiến yêu cầu Tòa án chia toàn bộ tài sản theo quy định pháp luật. Như vậy, có nghĩa rằng bị đơn đã thay đổi nội dung thỏa thuận chia tài sản giữa các bên ngày 09/01/2019 nên không phải là việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Lẽ ra, trong trường hợp này Thẩm phán phải lấy lời khai làm rõ nguyên đơn có tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn hay vẫn giữ nguyên yêu cầu “*công nhận thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn*” để xác định rõ phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của nguyên đơn là gì? Trường hợp nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn ngày 09/01/2019 và bị đơn yêu cầu chia tài sản sau ly hôn thì Tòa án phải có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn bị đơn làm đơn khởi kiện và thông báo bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo thụ lý yêu cầu của bị đơn theo quy định pháp luật mới đúng. Khi chưa làm rõ các tình tiết nêu trên nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn là giải quyết vượt quá

phạm vi khởi kiện, yêu cầu của đương sự theo khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3]. Từ vấn đề nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát hủy một phần Bản án sơ thẩm về việc chia tài sản sau ly hôn và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[2.5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho anh Dương Hồng P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo Anh Dương Hồng P. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông về phần chia tài sản sau ly hôn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk RLấp, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Hồng P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh Dương Hồng P 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003078 ngày 25-

10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Ứng